

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Long Trí Dũng.

- Ông Trần Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Khánh Luyện** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên. Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 85/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ma Thị H - Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Xóm TT, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Phạm Đức Ch - Sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Xóm TT, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ma Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị H và anh Phạm Đức Ch có tìm hiểu nhau một thời gian, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào khoảng cuối năm 1989. Tuy nhiên, chị và anh Ch không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng anh chị Ch sống hạnh phúc. Nhưng đến khoảng giữa năm 1993 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị phát hiện anh Ch có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và người thân trong gia đình đã nhiều lần khuyên anh thay đổi để giữ hạnh phúc gia đình cùng nuôi các con ăn học

nhưng anh Ch không thay đổi dẫn đến anh chị thường xuyên cãi vã, có lời lẽ xúc phạm, xô xát. Đến đầu năm 2020 mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, anh Ch đã khóa cửa không cho chị vào nhà, chị phải đi ở nhờ nhà bố mẹ chồng chị ở gần đó. Nay chị H không còn yêu thương anh Ch nữa, cương quyết xin ly hôn.

Về con Ch: Chị H và anh Ch có 02 con Ch là Phạm Văn Tr, sinh ngày 30/7/1990 và cháu Phạm Văn Ch, sinh ngày 15/3/1993. Cả hai con Ch của anh chị đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản Ch: Anh, chị có 01 thửa đất rừng có diện tích 9.836,8m², tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 03 tại xã PT; 01 thửa đất rừng có diện tích 14.963,7m² tại thửa 52, tờ bản đồ 02 xã PT; 01 thửa đất rừng khu vực Tát Bu số 10, tờ bản đồ số 03 xã PT; 01 thửa đất rừng khu vực Tát Bu số 09, tờ bản đồ số 3 xã PT có diện tích 44.088,0 m² và 01 thửa đất dùng làm nuôi trồng thủy sản có diện tích 2381,0m² thuộc khu vực Tát Bu xã PT. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều mang tên Phạm Đức Ch và Ma Thị H. Tuy nhiên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Đức Ch trình bày lời khai và các yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức Ch và chị Ma Thị H được tìm hiểu nhau một thời gian, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương vào khoảng cuối năm 1989. Tuy nhiên anh và chị H không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thời gian đầu anh và chị H Ch sống hạnh phúc, nhưng đến năm 1993 giữa anh và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh phải đi làm ăn xa nhà ít có thời gian quan tâm đến gia đình và vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô xát lẫn nhau. Đến đầu năm 2020 anh đã phát hiện chị H có quan hệ với người đàn ông khác nhưng hỏi chị H lại không thừa nhận. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con Ch: Anh và chị H có 02 con Ch là Phạm Văn Tr, sinh ngày 30/7/1990 và cháu Phạm Văn Ch, sinh ngày 15/3/1993. Cả hai con Ch của anh chị đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản Ch: Anh, chị có 01 thửa đất rừng có diện tích 9.836,8m², tại thửa đất số 11, tờ bản đồ số 03 tại xã PT; 01 thửa đất rừng có diện tích 14.963,7m² tại thửa 52, tờ bản đồ 02 xã PT; 01 thửa đất rừng khu vực Tát Bu số 10, tờ bản đồ số 03 xã PT; 01 thửa đất rừng khu vực Tát Bu số 09, tờ bản đồ số 3 xã PT có diện tích 44.088,0 m² và 01 thửa đất dùng làm nuôi trồng thủy sản có diện tích 2381,0m² thuộc khu vực Tát Bu xã PT. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều mang tên Phạm Đức Ch và Ma Thị H. Tuy nhiên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để chị H và anh Ch được đoàn tụ, cùng nhau Ch sống. Đồng thời thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng Chị H, anh Ch không hòa giải quay về đoàn tụ được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Ma Thị H và anh Phạm Đức Ch; Về con Ch: Con Ch của chị H và anh Ch là Phạm Văn Tr, sinh ngày 30/7/1990 và Phạm Văn Ch, sinh ngày 15/3/1993 đã đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết. Đối với tài sản Ch: Chị H và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 - Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Ma Thị H và anh Phạm Đức Ch quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai gia đình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào khoảng cuối năm 1989. Nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình Ch sống, từ năm 1993 giữa chị H và anh Ch nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của nhau, dẫn đến thiếu sự tôn trọng và xúc phạm lẫn nhau, sau đó đến đầu năm 2020 anh Ch đã không cho chị về nhà, chị H phải đi sống nhờ nhà bố mẹ chồng. Nay chị H không còn quan tâm và yêu thương anh Ch nữa. Tại phiên tòa, chị H cương quyết xin được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay anh Ch xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn với nhau, nay chị H xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương, xác định: Trong quá trình sinh sống tại địa phương từ năm 1993 đến nay, chị H và anh Ch thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình góp ý nhiều lần nhưng chị H và anh Ch vẫn cãi nhau, không thể hòa hợp.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết. Tuy nhiên

theo quy định tại Tại Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được thực hiện như sau:

“

b) Nam và nữ Ch sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng; ”

Sau khi Ch sống với nhau, đến khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003, chị H và anh Ch không đăng ký kết hôn, đến nay chị H và anh Ch vẫn không đăng ký kết hôn. Do vậy, cần áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị Ma Thị H và anh Phạm Đức Ch là vợ chồng.

Đến thời điểm chị H khởi kiện xin ly hôn với anh Ch, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực pháp luật, tại Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Điều 9: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

..... ”

Điều 14: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này Ch sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

..... ”

Với những nhận định như trên. Việc chị H và anh Ch Ch sống với nhau như vợ chồng kể từ cuối năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần tuyên bố chị H và anh Ch không phải là vợ chồng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Về con Ch: Chị Ma Thị H và anh Phạm Đức Ch có 02 con Ch là Phạm Văn Tr, sinh ngày 30/7/1990 và Phạm Văn Ch, sinh ngày 15/3/1993. Con Ch của chị H và anh Ch là Phạm Văn Tr và Phạm Văn Ch đã đủ tuổi trưởng thành, chị H và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản Ch: Chị H và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 131; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, 52, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị H.

1. Về hôn nhân:

Chị Ma Thị H và anh Phạm Đức Ch không phải là vợ chồng.

2. Về con Ch:

- Chị Ma Thị H và anh Phạm Đức Ch có 02 con Ch là Phạm Văn Tr, sinh ngày 30/7/1990 và Phạm Văn Ch, sinh ngày 15/3/1993. Hai cháu Phạm Văn Tr, sinh ngày 30/7/1990 và cháu Phạm Văn Ch, sinh ngày 15/3/1993 đã đủ tuổi trưởng thành. HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản Ch: Chị Ma Thị H và anh Phạm Đức Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ma Thị H phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0005097, ngày 10/7/2020.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Long Trí Dũng + Trần Văn Thuận

Hoàng Văn Giang

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hóa;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã PT huyện Đ;
- Các đương sự;
- lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Văn Giang